

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận danh sách trúng tuyển
vào các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 10/12/2025;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 981/QĐ-ĐHTN ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên về việc về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2521/QĐ-ĐHTN ngày 22/12/2025 của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội Đồng tuyển sinh năm 2026 của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ kết luận tại cuộc họp ngày 08/9/2026 của Hội đồng tuyển sinh trường Đại học Tây Nguyên;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 26 thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển vào các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2026 (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Thường trực hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm thông báo cho thí sinh và tổ chức nhập học theo quy định;

Điều 3. Thường trực hội đồng tuyển sinh, Phòng Đào tạo và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lãnh đạo Trường (để b/c);
- Các Khoa;
- Phòng CTSV, PC;
- Phòng Đào tạo (đăng Website);
- Lưu: VT, ĐT (Hi).

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thanh Trúc

Phụ lục

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CÁC NGÀNH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ, ĐỢT 1 NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHTN ngày tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)

1. Ngành Khoa học y sinh

STT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Khu vực	Đối tượng	Ngày sinh	Năng lực ngoại ngữ	Bổ sung kiến thức	Điểm quy đổi	Điểm ưu tiên	Điểm trúng tuyển
1	K'Loan	Nữ	Cơ ho	3	05a	10/01/1990	Miễn	Không phải học	23.22	0.9	24.12
2	Hoàng Thị Hương	Nữ	Kinh	3		30/01/1990	Đạt	Đạt	23.94	0	23.94
3	Trần Đình Sơn	Nam	Kinh	3		16/09/1988	Đạt	Đạt	22.14	0	22.14
4	Nguyễn Trần Diệu Thanh	Nữ	Kinh	3		25/07/1992	Đạt	Đạt	25.56	0	25.56
5	Lê Đông Ý Nhi	Nữ	Kinh	3		08/09/1994	Đạt	Đạt	30	0	30
6	Nguyễn Đăng Triều	Nam	Kinh	3		25/06/1990	Đạt	Đạt	24.99	0	24.99
7	Huỳnh Thị Ngọc Huyền	Nữ	Kinh	3		05/09/1992	Đạt	Đạt	24.03	0	24.03
8	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Nữ	Kinh	3		08/02/1986	Đạt	Đạt	22.62	0	22.62
9	Trần Văn Phúc	Nam	Kinh	3		05/05/1995	Miễn	Đạt	17.04	0	17.04
10	Phan Thị Thanh Trang	Nữ	Kinh	3		08/10/1991	Miễn	Không phải học	22.17	0	22.17
11	Vũ Lý Khánh Huyền	Nữ	Kinh	3		06/08/2002	Miễn	Đạt	21.3	0	21.3

(tổng 11 thí sinh)

2. Ngành Thú y

STT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Khu vực	Đối tượng	Ngày sinh	Năng lực ngoại ngữ	Bổ sung kiến thức	Điểm quy đổi	Điểm ưu tiên	Điểm trúng tuyển
1	Phạm Hồng Quang	Nam	Kinh	3		25/11/1991	Đạt	Không phải học	21.81	0	21.81
2	Hà Duy Nguyên	Nam	Kinh	3		19/11/1999	Đạt	Không phải học	19.95	0	19.95
3	Lê Chí Thành	Nam	Kinh	3		11/07/2000	Miễn	Không phải học	20.46	0	20.46
4	Nguyễn Cao Trung Hiếu	Nam	Kinh	3		12/03/1995	Đạt	Không phải học	21.12	0	21.12
5	Đỗ Hoàng Nam	Nam	Kinh	3		08/11/2001	Miễn	Không phải học	20.91	0	20.91

(tổng 05 thí sinh)

3. Ngành Quản lý kinh tế

STT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Khu vực	Đối tượng	Ngày sinh	Năng lực ngoại ngữ	Bổ sung kiến thức	Điểm quy đổi	Điểm ưu tiên	Điểm trúng tuyển
1	Phan Thanh Thiện	Nam	Kinh	3		05/08/2002	Miễn	Đạt	22.41	0	22.41
2	Lê Thị Hồng Nhung	Nữ	Kinh	3		09/04/1991	Đạt	Đạt	21.06	0	21.06
3	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	Kinh	3		16/08/1999	Đạt	Đạt	19.95	0	19.95
4	Phạm Trần Lan Phương	Nữ	Kinh	3		23/09/2003	Đạt	Đạt	24.83	0	24.83
5	Võ Văn Nguyên	Nam	Kinh	3		03/10/2003	Miễn	Đạt	22.35	0	22.35
6	Nguyễn Minh Sơn	Nam	Kinh	3		25/03/2003	Miễn	Đạt	27.53	0	27.53
7	Nguyễn Cao Bằng	Nam	Kinh	3		08/10/1979	Đạt	Đạt	15	0	15
8	Nguyễn Thị Thu Thủy	Nữ	Kinh	3		10/12/1995	Đạt	Đạt	26.78	0	26.78
9	Nguyễn Hoàng Mỹ Trinh	Nữ	Kinh	3		12/01/1995	Đạt	Đạt	21.18	0	21.18
10	Phạm Thị Minh Thu	Nữ	Kinh	3		18/02/2001	Đạt	Đạt	17.55	0	17.55

(tổng 10 thí sinh)

Tổng cộng: 26 thí sinh./.